

XU HƯỚNG PHÁT TRIỂN VÀ NGUỒN TÀI TRỢ CHO XUẤT BẢN TRUY CẬP MỞ Ở CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC ĐÀO TẠO KHỐI NGÀNH KỸ THUẬT VÀ CÔNG NGHỆ: MỘT NGHIÊN CỨU TRẮC LƯỢNG THƯ MỤC

Nguyễn Trung Thành^{1,+},
Trần Thị Bích Ngọc²,
Nguyễn Thanh Trà³

¹Trường Đại học Xây dựng Hà Nội; ²Trường Đại học Sư phạm Hà Nội;
³Học viện Ngân hàng
+Tác giả liên hệ • Email: papintt@gmail.com

Article history

Received: 05/8/2025

Accepted: 17/9/2025

Published: 05/01/2026

Keywords

Open science, Open access,
Open access models,
policies, higher Education

ABSTRACT

In the context of open science becoming increasingly popular and affected by international policies and requirements for science and technology integration, the issue of enhancing open science publishing in Vietnam has gained significance and urgency. This article presents a bibliometric study on open access publishing in science and technology in recent years at 27 higher education institutions under the Ministry of Education and Training. Data collected from the Scopus database over 10 years from 2015 to 2024 were analyzed to explore trends in open publishing and funding sources for open access publications. The findings show that the proportion of open access publications increased significantly in the period 2019-2024, in which Gold open access is the most preferred publishing model. The study also shows that nearly 64% of open access publications were supported by domestic and foreign funding sources. The research results not only provide a comprehensive view of the trends and funding resources for open access publishing in universities in the field of Engineering and Technology, but also contribute to policy and strategy orientation to promote open science in Vietnam in the current period of international integration.

1. Mở đầu

Khoa học mở (Open Science) đã được định hình và phát triển từ những năm 2002 thông qua các sáng kiến, tuyên bố về truy cập mở, xuất bản truy cập mở đối với kiến thức về khoa học và nhân văn (Open Society Institute, 2002). Truy cập mở (Open Access - OA) là một sáng kiến nhằm mục đích cho phép truy cập miễn phí và không hạn chế vào kiến thức và tài nguyên giáo dục bằng cách tận dụng sức mạnh của Internet và công nghệ kỹ thuật số. Là một mô hình xuất bản học thuật mới, nhiều tạp chí OA triển khai các quy trình đánh giá ngang hàng nghiêm ngặt và duy trì các tiêu chuẩn xuất bản cao (Suber, 2012). OA có tiềm năng xóa bỏ các rào cản đối với việc đọc và sử dụng nghiên cứu. Đây là một thành phần quan trọng của Khoa học mở và khả năng tái tạo, cùng với việc chia sẻ dữ liệu, tính khả dụng của mã nguồn và quyền truy cập vào các tài liệu nghiên cứu (Logullo và cộng sự, 2024). Truy cập mở tới các xuất bản phẩm, dữ liệu nghiên cứu mở, phần mềm nguồn mở, cộng tác mở, rà soát lại ngang hàng mở, các sổ ghi chép mở, tài nguyên giáo dục mở, các sách chuyên khảo mở, khoa học công dân, hay việc cấp nguồn vốn cho nghiên cứu, nằm trong các đường biên của Khoa học mở. OA xuất hiện để đáp lại các rào cản pháp lý và kinh tế ngày càng tăng của các nhà xuất bản học thuật thương mại khiến việc tiếp cận kết quả nghiên cứu và thông tin trở nên khó khăn, đặc biệt là đối với người dân ở các nước đang phát triển trên thế giới (Nguyễn Trung Thành, 2024). Công bố khoa học mở (ấn phẩm/bài báo OA) ngày càng nhận được sự quan tâm và hưởng ứng từ các học giả Việt Nam, thể hiện qua số lượng và tỉ lệ công bố OA không ngừng gia tăng trong những năm gần đây. Vương và cộng sự (2018) đã sử dụng các báo cáo từ các nhà khoa học, các nguồn trực tuyến mở và đối chiếu với cơ sở dữ liệu Scopus từ năm 2008-2018 và chỉ ra có 657 nhà nghiên cứu Việt Nam trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn đã công bố 1289 bài báo trên các tạp chí OA được lập chỉ mục trên Scopus. Pham (2022) đã tiến hành phân tích thống kê các bài báo được công bố trên các tạp chí OA được lập chỉ mục trong cơ sở dữ liệu Scopus cho thấy, từ 25% bài báo được xuất bản dưới dạng OA so với tổng số các bài báo đã xuất bản năm 2011, con số này đã tăng lên 43% vào năm 2021. Trong bối cảnh hội nhập quốc tế về KH-CN, các nhà nghiên cứu ở các cơ sở giáo dục đại học (CSGD) ở Việt Nam đã và đang nỗ lực tăng cường các nỗ lực xuất bản trên các tạp chí OA để tăng khả năng tiếp cận và phổ biến kiến thức khoa học. Ngoài một số các tạp chí OA miễn phí công bố, còn lại để xuất bản trên các tạp chí OA, các tác giả (hoặc tổ

chức của tác giả, hoặc nhà tài trợ) phải trả một khoản phí gọi là Phí xử lý bài báo (Article Processing Charges - APCs) hoặc phí xuất bản. Đối với các nhà khoa học từ các quốc gia có thu nhập thấp và trung bình như Việt Nam, nếu các nghiên cứu thiếu nguồn tài trợ bên ngoài, tác giả phải dựa vào nguồn tài chính cá nhân thì việc đóng phí xuất bản thực sự là một gánh nặng (Singh và cộng sự, 2021). Hiện nay đang có một số lượng lớn các giảng viên, nghiên cứu viên (nhà khoa học) sở hữu tiềm năng nghiên cứu mạnh mẽ đang công tác tại các CSGD đào tạo khối ngành Kỹ thuật và Công nghệ (KT-CN). Ngoài công tác đào tạo, đội ngũ này đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số và đổi mới quốc gia.

Vì vậy, bài báo tìm hiểu sự phát triển trong công bố quốc tế thông qua xu hướng nghiên cứu và nguồn tài trợ để công bố của các nhà khoa học ở các CSGD đào tạo khối ngành KT-CN trên các tạp chí OA được chỉ mục trên Scopus với mục đích hiểu rõ hơn về cách thức triển khai xuất bản các ấn phẩm OA.

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Phương pháp nghiên cứu và quy trình thu thập dữ liệu

Chúng tôi được thực hiện dựa trên việc lấy dữ liệu từ cơ sở dữ liệu Scopus và sử dụng phương pháp trắc lượng thư mục (bibliometric analysis) để thống kê, phân tích và đưa ra kết quả. Sử dụng phương pháp này sẽ cung cấp một góc nhìn về sự phát triển của các ấn phẩm OA của các nhà khoa học tại các CSGD đào tạo khối ngành KT-CN. Kết quả nghiên cứu được thực hiện theo các bước sau:

Thứ nhất, chúng tôi lựa chọn CSGD trực thuộc Bộ GD-ĐT (Thủ tướng Chính phủ, 2018) có đào tạo năm ngành được Bộ GD-ĐT (2022) quy định là nhóm ngành KT-CN bao gồm: Khoa học sự sống, Máy tính và công nghệ thông tin, Công nghệ kỹ thuật, Kỹ thuật, Kiến trúc và xây dựng. Dựa trên các tiêu chí trên có tổng số 27/50 CSGD được lựa chọn (bảng 1).

Bảng 1. Danh sách 27 CSGD đào tạo khối ngành KT-CN

TT	Tên CSGD	TT	Tên CSGD
1	Đại học Đà Nẵng	15	Trường Đại học Nha Trang
2	Đại học Huế	16	Trường Đại học Nông Lâm TP. Hồ Chí Minh
3	Đại học Thái Nguyên	17	Trường Đại học Quy Nhơn
4	Đại học Bách khoa Hà Nội	18	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội
5	Đại học Cần Thơ	19	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2
6	Trường Đại học Đà Lạt	20	Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên
7	Trường Đại học Đồng Tháp	21	Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh
8	Trường Đại học Giao thông Vận tải	22	Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh
9	Trường Đại học Kiên Giang	23	Trường Đại học Tây Bắc
10	Đại học Kinh tế Quốc dân	24	Trường Đại học Tây Nguyên
11	Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh	25	Trường Đại học Việt - Đức
12	Trường Đại học Môi Địa chất Hà Nội	26	Trường Đại học Vinh
13	Trường Đại học Mỏ Hà Nội	27	Trường Đại học Xây dựng Hà Nội
14	Trường Đại học Mỏ TP. Hồ Chí Minh		

Thứ hai, chúng tôi xác định các lĩnh vực chủ đề được chỉ mục trong Scopus có liên quan tới năm nhóm ngành nêu trên, gồm: Khoa học Nông nghiệp và Sinh học (Agricultural and Biological Sciences); Hóa sinh, Di truyền học và Sinh học Phân tử (Biochemistry, Genetics and Molecular Biology); Kỹ thuật Hóa học (Chemical Engineering); Khoa học Máy tính (Computer Science); Khoa học Trái đất và Hành tinh (Earth and Planetary Sciences); Năng lượng (Energy); Kỹ thuật (Engineering); Khoa học Môi trường (Environmental Science) và Khoa học Vật liệu (Materials Science). Các tiêu chí lựa chọn để thu thập dữ liệu được trình bày trong bảng 2.

Thứ ba, chúng tôi tải dữ liệu của 27 CSGD riêng lẻ xuống và hợp nhất thủ công các tập dữ liệu. Dữ liệu được trích xuất từ Scopus vào tháng 5/2025, được tải xuống ở định dạng Excel Workbook (.xlsx) và sử dụng các tính năng trong phần mềm Microsoft Excel để thống kê, phân tích, mô tả cho các vấn đề nghiên cứu trong bài báo.

Chúng tôi đã xác định số lượng ấn phẩm từ 27

Bảng 2. Bộ tiêu chí tìm kiếm dữ liệu

STT	Tiêu chí	Bao gồm
1	Khoảng thời gian	Từ năm 2015 đến năm 2024 (10 năm)
2	Loại tài liệu	Bài báo
3	Ngôn ngữ	Tiếng Anh
4	Loại ấn phẩm	Các loại ấn phẩm bao gồm xuất bản truyền thống và xuất bản OA
5	Giai đoạn xuất bản	Cuối cùng

CSGD đào tạo khối ngành KT-CN riêng lẻ. Sau đó, 27 tập dữ liệu được hợp nhất thủ công thành một tập dữ liệu toàn diện duy nhất. Vì các ấn phẩm riêng lẻ được lập chỉ mục bởi các tác giả từ 27 CSGD, nên chúng tôi đã xóa các bản ghi trùng lặp. Tổng cộng có 2.369 mục trùng lặp bị loại trừ, còn lại 21.252 ấn phẩm duy nhất, trong đó có 10.083 ấn

phẩm OA. Có 6450 ấn phẩm OA được tài trợ, mỗi ấn phẩm có nhiều hơn một tổ chức tài trợ. Sau khi làm sạch và kiểm đếm dữ liệu, có 2390 tổ chức tài trợ cho các ấn phẩm OA trong giai đoạn 2015-2024.

2.2. Kết quả và bàn luận

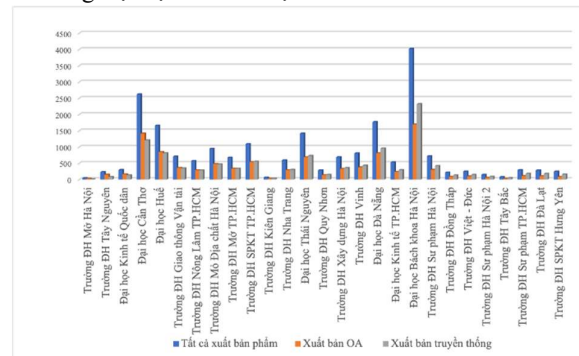
2.2.1. Xu hướng xuất bản OA trong các trường đại học kỹ thuật và công nghệ tại Việt Nam

Kết quả nghiên cứu chỉ ra, Đại học Bách khoa Hà Nội (1697 bài báo OA/4019 bài báo) và Đại học Cần Thơ (1414 bài báo OA/2621 bài báo) là hai CSGD có số lượng bài báo OA cũng như tổng số lượng bài báo được công bố nhiều nhất, tiếp theo là Đại học Huế, Đại học Đà Nẵng, Đại học Thái Nguyên và Trường Đại học Sư phạm kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh là nhóm các CSGD có tổng số lượng công bố từ 1000-2000 bài, trong đó các bài báo OA được công bố từ 500-1000 bài. Có 9 trường bao gồm: Trường Đại học Mở Địa chất Hà Nội, Trường Đại học Vinh, Trường Đại học Giao thông Vận tải, Trường Đại học Mở TP. Hồ Chí Minh, Trường Đại học Xây dựng Hà Nội, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Trường Đại học Nha Trang, Trường Đại học Nông Lâm TP. Hồ Chí Minh và Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh có số lượng công bố từ 500 đến dưới 1.000 bài trong đó số lượng bài báo OA được công bố từ 200 đến dưới 500 bài. Số còn lại là các CSGD có số lượng bài báo công bố < 300 bài và số lượng bài báo OA < 200 bài, trong số này có 3 Trường có tổng số bài báo cũng như những bài báo OA công bố dưới 100 bài đó là Trường Đại học Kiên Giang, Trường Đại học Tây Bắc và Trường Đại học Mở Hà Nội.

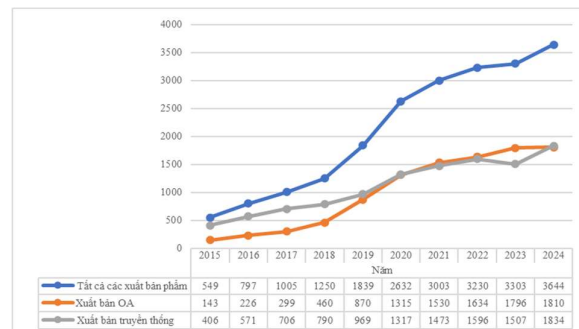
Biểu đồ 1 thể hiện sự tương quan giữa các bài báo được xuất bản OA và xuất bản truyền thống của 27 CSGD đào tạo khối ngành KT-CN trong giai đoạn từ 2015-2024 (xếp theo tỉ lệ bài báo OA từ cao đến thấp), tỉ lệ các CSGD có xuất bản phẩm OA đạt từ trên 30% đến dưới 70%. Ở nhóm đầu có 9 CSGD (chiếm 33,33%) có tỉ lệ xuất bản phẩm OA > 50%, tiếp theo là 13 CSGD (chiếm 48,15%) có tỉ lệ xuất bản phẩm OA từ 40% đến < 50% và 5 CSGD còn lại có tỉ lệ xuất bản phẩm OA từ 30% đến < 40% so với tổng số các công bố. Có thể thấy các CSGD có tỉ lệ xuất bản OA cao không hoàn toàn thuộc về các CSGD có số lượng xuất bản OA lớn, 2 Trường đứng đầu là Trường Đại học Mở Hà Nội mặc dù số lượng bài công bố ít nhất trong 27 CSGD nhưng lại có tỉ lệ công bố OA cao nhất, đạt 65,91% và đứng ở vị trí thứ hai là Trường Đại học Tây Nguyên với tỉ lệ 64,66% công bố là OA. Trong khi đó, Đại học Bách Khoa Hà Nội với tỉ lệ các bài OA chỉ chiếm 42,22%, xếp thứ 19/27, Đại học Cần Thơ và Đại học Huế có nhiều xuất bản OA nhưng xét theo tỉ lệ chỉ đứng ở vị trí thứ 4 và thứ 5.

Biểu đồ 2 cho thấy sự tăng trưởng của toàn bộ ấn phẩm cũng như ấn phẩm truyền thống và ấn phẩm OA trong giai đoạn từ năm 2015-2024. Kết quả cho thấy, trong 3 năm đầu của giai đoạn nghiên cứu, tỉ lệ xuất bản phẩm OA luôn ở dưới 30%, từ năm 2018 bắt đầu có sự thay đổi (ở mức dưới 40%) và từ 2019-2024 tỉ lệ xuất bản phẩm OA đã đạt trên dưới 50%/năm, đỉnh điểm là năm 2023, xuất bản phẩm OA đạt 54,37% so với tổng số xuất bản phẩm, năm 2024 tỉ lệ xuất bản phẩm OA chỉ đạt gần 50% nhưng con số bài đã lên tới hơn 1.800 bài. Giai đoạn 2019-2024 có số lượng bài OA chiếm 88,81% tổng số bài OA của giai đoạn nghiên cứu.

Thời gian đầu của giai đoạn nghiên cứu là thời điểm mà các cơ quan quản lý, các nhà khoa học nói chung, các nhà khoa học ở các CSGD đào tạo khối ngành KT-CN vẫn còn có những hiểu biết hạn chế về Khoa học mở hay xuất bản mở, Khoa học mở chưa được đưa vào các mục tiêu hoặc kế hoạch quốc gia về nghiên cứu và công nghệ. Ngoài ra một số nhà khoa học có ảnh hưởng vẫn sự nghi ngờ đối với chất lượng của các tạp chí xuất bản mở nên số lượng các xuất bản mở thời kì này còn khá khiêm tốn (Pham, 2022). Giai đoạn 5 năm trở lại đây, sự tăng trưởng mạnh mẽ



Biểu đồ 1. Số lượng xuất bản phẩm của 27 CSGD đào tạo khối ngành KT-CN giai đoạn 2015-2024



Biểu đồ 2. Số lượng xuất bản phẩm giai đoạn 2015-2024 của 27 CSGD đào tạo khối ngành KT-CN

của xuất bản và xuất bản OA có thể liên quan đến các thay đổi trong chiến lược, chính sách của quốc gia. Cụ thể, về đào tạo và nghiên cứu khoa học của Việt Nam, Thông tư số 08/2017/TT-BGDĐT sau này được thay thế bởi Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ban hành quy định quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ quy định tiêu chuẩn của người hướng dẫn và điều kiện bảo vệ luận án của nghiên cứu sinh gắn liền với công bố quốc tế được chỉ mục trong các cơ sở dữ liệu khoa học như Scopus hoặc Web of Science (Bộ GD-ĐT, 2017; Bộ GD-ĐT, 2021); Quyết định 37/2018/QĐ-TTg (Thủ tướng Chính phủ, 2018) và Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg (Thủ tướng Chính phủ, 2020) ban hành quy định tiêu chuẩn bổ nhiệm Phó giáo sư, Giáo sư xét đến kết quả công bố quốc tế của ứng viên; Quyết định số 1117/QĐ-TTg (Thủ tướng Chính phủ, 2023) phê duyệt Chương trình xây dựng mô hình tài nguyên giáo dục mở trong giáo dục đại học, nâng cao chất lượng, hiệu quả của hoạt động nghiên cứu, giảng dạy và học tập. Gần đây nhất là Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia (Ban Chấp hành Trung ương, 2024) có thể là những nguyên nhân thúc đẩy hoạt động công bố quốc tế trong các CSGD ở Việt Nam nói chung, các CSGD đào tạo ngành KT-CN nói riêng.

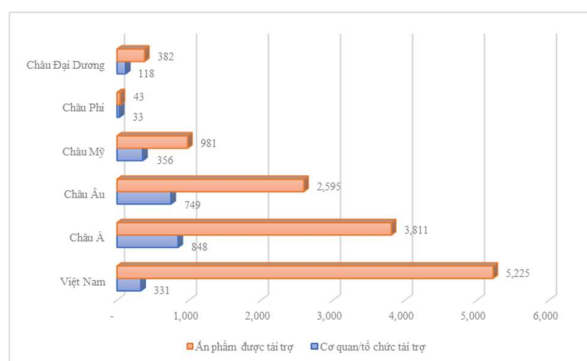
Cùng với sự phát triển của các bài báo OA, những năm 2019-2024 là giai đoạn các loại hình trong xuất bản OA cũng phát triển nhanh chóng, tổng số bài báo OA theo từng loại hình chiếm tỉ lệ cao, cụ thể: OA Đồng là 76,63%, OA Kết hợp là 86,08%, OA Xanh là 88,90%, đặc biệt OA Vàng chiếm 93,5% trong tổng số các công bố theo từng loại của giai đoạn nghiên cứu. Loại OA Vàng và OA Kết hợp là hai loại hình có số lượng bài tăng đều, năm 2024 tỉ lệ tăng có xu hướng giảm nhưng tổng số ấn phẩm của hai loại này vẫn tăng hơn so với năm trước. OA Kết hợp tăng hơn 10 lần, đặc biệt OA Vàng tăng gần 134 lần tính từ 2015-2024, OA Vàng cũng là loại hình có số lượng lớn nhất so với các loại hình còn lại. Loại OA Đồng có tổng số lượng thấp nhất, phát triển đều từ 36 bài báo vào năm 2015 lên tới 161 bài báo vào năm 2023 (tăng 4,8 lần) nhưng đã giảm đột ngột xuống còn 48 bài báo vào năm 2024 (giảm hơn 70% so với năm 2023), thấp hơn thời điểm năm 2016. Cũng cùng xu thế với OA Đồng là OA Xanh, loại hình này có tổng số lượng ấn phẩm đứng thứ hai, số lượng ấn phẩm đã tăng 7,4 lần từ năm 2015 đến 2021, sau đó giảm dần theo 10% năm 2022, 4% năm 2023 và đến năm 2024 số lượng bài OA loại này cũng đã giảm hơn 42% so với năm 2023, thấp hơn thời điểm năm 2019.

Xu hướng xuất bản OA của các nhà khoa học tại các CSGD đào tạo khối ngành KT-CN tại Việt Nam từ 2015-2024 cho thấy một sự phát triển tích cực và mạnh mẽ. Đặc biệt, OA Vàng - các bài báo được truy cập, có thể sử dụng lại bởi các học giả và nhà khoa học và tất cả các bên liên quan khác nhanh nhất có thể (Piwowar và cộng sự, 2018) là loại hình phổ biến nhất, kết quả này thể hiện sự ưa chuộng và là lựa chọn ưu tiên của các nhà nghiên cứu đối với việc xuất bản hoàn toàn mở. Sự phát triển mạnh mẽ của OA mang lại cơ hội lớn để các CSGD ở Việt Nam nói chung, các CSGD đào tạo khối ngành KT-CN nói riêng tăng cường hợp tác quốc tế, mở rộng phạm vi ảnh hưởng và chia sẻ kiến thức khoa học với cộng đồng quốc tế.

2.2.2. Nguồn tài trợ cho xuất bản truy cập mở ở các cơ sở giáo dục đại học đào tạo khối ngành Kỹ thuật và Công nghệ

Phân tích từ năm 2015-2024 cho thấy tổng cộng có 6450 ấn phẩm (chiếm 63,97%) nhận được sự hỗ trợ để công bố trên các tạp chí OA. Tổng cộng có 2389 cơ quan/tổ chức (nhà tài trợ) trong và ngoài nước tham gia tài trợ cho các ấn phẩm này, trong đó có 169 cơ quan/tổ chức tài trợ cho 10 ấn phẩm trở lên (Lưu ý: một tài liệu có thể được nhiều cơ quan/tổ chức cùng tài trợ).

Biểu đồ 3 thể hiện số lượng các cơ quan/tổ chức có tham gia tài trợ để các ấn phẩm của các nhà khoa học thuộc 27 CSGD đào tạo khối ngành KT-CN. Các nhà tài trợ trong nước không nhiều nhưng số lượng các ấn phẩm được tài trợ lên tới 5225 ấn phẩm, phần lớn các nhà tài trợ trong nước là các cơ quan bộ, ngành và các CSGD. Có 14 cơ quan/tổ chức đã tài trợ từ 100 cho đến hơn 800 ấn phẩm OA (đạt 3664/6450 ấn phẩm có tài trợ), 31 cơ quan/tổ chức tài trợ từ 10 đến dưới 100 ấn phẩm, số còn lại tài trợ <10 ấn phẩm trong giai đoạn nghiên cứu. Ngoài các cơ quan/tổ chức trong nước, các nhà nghiên cứu của 27 CSGD cũng đã nhận được sự tài trợ của các cơ quan/tổ chức trên toàn thế giới, châu Á là khu vực có số lượng nhà tài trợ cũng như số lượng các ấn phẩm được tài trợ nhiều nhất so với các châu lục khác, đã có tới 848 nhà tài trợ tài trợ



Biểu đồ 3. Số lượng các cơ quan/tổ chức tài trợ cho các ấn phẩm OA

cho 3811 ấn phẩm OA, trong đó top 3 các quốc gia có nhiều tài trợ nhất là Trung Quốc có 182, Nhật Bản có 161 và Hàn Quốc có 147 cơ quan/tổ chức đã tài trợ. Châu Âu là khu vực đứng thứ hai trong số lượng các nhà tài trợ cũng như số lượng các ấn phẩm được tài trợ, đã có 2595 ấn phẩm OA được 748 các cơ quan/tổ chức tài trợ, trong đó Vương quốc Anh có 105, Pháp có 100 và Đức có 88 cơ quan/tổ chức có nhiều tài trợ nhất trong khu vực. Tiếp theo là khu vực châu Mỹ và châu Đại Dương với 2 quốc gia có nhiều cơ quan/tổ chức có nhiều tài trợ nhất là Hoa Kỳ và Úc. Châu Phi là khu vực có số lượng cơ quan/tổ chức cũng như số lượng các ấn phẩm OA được tài trợ ít nhất.

Có thể thấy, trừ khu vực châu Đại Dương và châu Phi, các nhà khoa học ở 27 CSGD đã nhận được quan tâm cũng như tài trợ khá lớn từ các cơ quan/tổ chức quốc tế đến từ châu Á, châu Âu và châu Mỹ, tổng số lượng các nhà tài trợ ở 3 châu lục này gấp 5,9 lần so với các cơ quan/tổ chức trong nước có tài trợ cho các ấn phẩm OA. Điều này thể hiện các nghiên cứu của các nhà khoa học của 27 CSGD đã thu hút được các nhà tài trợ quốc tế.

Kết quả thống kê cũng chỉ ra, có 21 cơ quan/tổ chức đã tài trợ trên 100 ấn phẩm OA cho các nhà khoa học thuộc CSGD đào tạo khối ngành KT-CN giai đoạn 2015-2024, trong đó có 14 nhà tài trợ đến từ Việt Nam, 4 nhà tài trợ ở khu vực châu Á, 2 nhà tài trợ ở khu vực châu Âu và 1 nhà tài trợ đến từ Bắc Mỹ. Bảng 4 liệt kê 10 cơ quan/tổ chức tài

Bảng 4. 10 nhà tài trợ hàng đầu cho các ấn phẩm OA của 27 CSGD trong giai đoạn 2015-2024

STT	Cơ quan/tổ chức tài trợ	Tài liệu	Tỉ lệ
1	Bộ GD-ĐT (MOET)	819	8,12
2	Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ Quốc gia (NAFOSTED)	804	7,97
3	Hội đồng Khoa học và Công nghệ Quốc gia, Đài Loan (NSTC)	282	2,80
4	Quỹ nghiên cứu quốc gia Hàn Quốc, Hàn Quốc (NRF)	266	2,64
5	Hiệp hội thúc đẩy khoa học Nhật Bản, Nhật Bản (JSPS)	245	2,43
6	Ủy ban châu Âu (EU)	243	2,41
7	Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam (VAST)	238	2,36
8	Đại học Huế (HU)	233	2,31
9	Tập đoàn Vingroup (Vingroup JSC)	230	2,28
10	Đại học Bách Khoa Hà Nội (HUST)	229	2,27

trợ nhiều nhất, đứng đầu là Bộ GD-ĐT và Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ Quốc gia (NAFOSTED) đã tài trợ cho 819 và 804 ấn phẩm tương đương 8,12% và 7,97% so với tổng số các ấn phẩm OA đã xuất bản, các cơ quan/tổ chức còn lại tài trợ cho số lượng từ 200-300 ấn phẩm. Có 6/10 nhà tài trợ có nhiều tài trợ nhất đến từ Việt Nam, ngoài Bộ GD-ĐT và NAFOSTED số còn lại là các Viện nghiên cứu, CSGD hàng đầu của Việt Nam, ngoài ra có một tổ chức tư nhân là Tập đoàn Vingroup (chủ yếu thông qua Quỹ Đổi mới sáng tạo Vingroup), mặc dù chỉ mới tài trợ từ năm 2019, nhưng đã tài trợ 230 ấn phẩm OA. Còn lại 4 nhà tài trợ đến từ nước ngoài, hầu hết các cơ quan/tổ chức này đến từ chính phủ và bộ ngành của các quốc gia, trong đó 3/4 nhà tài trợ đến từ khu vực Đông Á đó là Đài Loan, Hàn Quốc và Nhật Bản, tổ chức còn lại là Ủy ban châu Âu của Liên minh châu Âu thông qua các chương trình tài trợ, quỹ và dự án như Hội đồng nghiên cứu châu Âu (European Research Council), Chương trình khung Horizon 2020 (Horizon 2020 Framework Programme), Horizon Europe, Quỹ xã hội châu Âu (European Social Fund), Quỹ phát triển khu vực châu Âu (European Regional Development Fund), Quỹ chuyển đổi công bằng châu Âu (European Just Transition Fund), Erasmus +, Chương trình khung thứ bảy (the Seventh Framework Programme) đã tài trợ số lượng từ 243-282 ấn phẩm OA.

3. Kết luận

Xuất bản OA đang lan tỏa mạnh mẽ trong các CSGD nói chung và các CSGD đào tạo khối ngành KT-CN nói riêng, nhất là trong bối cảnh hội nhập quốc tế, nhu cầu tăng cường hợp tác quốc tế, mở rộng phạm vi ảnh hưởng và chia sẻ tri thức khoa học. Nghiên cứu đã tổng hợp xu hướng công bố và cho thấy sự tăng trưởng mạnh mẽ về các ấn phẩm OA tại 27 CSGD đào tạo khối ngành KT-CN thuộc Bộ GD-ĐT giai đoạn 2015-2024. Từ năm 2019 đến 2024 số lượng các ấn phẩm OA và ấn phẩm truyền thống được công bố gần như là tương đương, trong đó năm 2021 và 2023 là những năm ghi nhận số lượng ấn phẩm OA cao hơn so với ấn phẩm truyền thống. Kết quả này cho thấy các nhà khoa học của các CSGD đào tạo khối ngành KT-CN đã có xu hướng chuyển sang xuất bản mở thay vì chỉ sử dụng các phương pháp xuất bản truyền thống như trước đây. Loại hình OA Vàng và OA Vàng kết hợp là các loại hình xuất bản OA duy trì tốc độ tăng trưởng, đặc biệt OA Vàng là loại có tổng số bài viết cũng như số lượng và tốc độ tăng trưởng trung bình hằng năm cao nhất trong các loại OA. Điều này cho thấy sự ưu tiên của các nhà khoa học trong lĩnh vực KT-CN đối với xuất bản mở hoàn toàn. Trong giai đoạn nghiên cứu, có gần 64% ấn phẩm OA được các cơ quan/tổ chức trong nước và quốc tế được tài trợ. Bộ GD-ĐT và NAFOSTED cũng như các CSGD là các cơ quan/tổ chức hàng đầu của Chính phủ và đóng vai trò chủ chốt trong việc thúc đẩy nghiên cứu và xuất bản OA tại 27 CSGD. Điều này nhấn mạnh ưu tiên của Chính phủ trong việc phát triển giáo dục, hỗ trợ các hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ tại các CSGD thông qua các cơ chế tài trợ công. Số lượng các nhà tài trợ đến từ quốc tế lớn song số lượng các ấn phẩm OA được tài trợ còn chưa cao, chủ yếu tập trung vào các một số nhà tài trợ đến từ Trung Quốc,

Nhật Bản, Hàn Quốc, Ủy ban châu Âu... điều này có thể hiểu các CSGD tại Việt Nam mặc dù đã có mạng lưới hợp tác phát triển, có khả năng tiếp cận các chương trình tài trợ nước ngoài nhưng chưa có nhiều đối tác trung thành. Để nâng cao năng lực công bố, mở rộng tiềm năng nghiên cứu và hội nhập với các chuẩn mực khoa học quốc tế, ngoài sự hỗ trợ từ các cơ quan/tổ chức trong nước, cần tăng cường thu hút đầu tư từ nhiều nguồn tài trợ nước ngoài thông qua các chiến lược để không chỉ duy trì và phát triển mạng lưới đã có mà còn tạo thêm nhiều cơ hội hợp tác với các tổ chức quốc tế khác, chỉ có như vậy vấn đề tài chính trong hoạt động công bố trên các tạp chí OA của không còn là trở ngại đối với các nhà khoa học Việt Nam khi muốn mở rộng phạm vi ảnh hưởng và chia sẻ tri thức khoa học.

Hạn chế của nghiên cứu này là chỉ thu thập dữ liệu từ Scopus, và chỉ tập trung vào các CSGD đào tạo khối ngành KT-CN do Bộ GD-ĐT quản lý, vì vậy, nghiên cứu trong tương lai có thể mở rộng ra tất cả các CSGD thuộc Bộ GD-ĐT hoặc sử dụng các cơ sở dữ liệu nghiên cứu khác như Web of Science.

Lời cảm ơn: Nhóm tác giả cảm ơn sự tài trợ của Bộ Giáo dục và Đào tạo qua đề tài “Nghiên cứu giải pháp quản lý và thực hiện xuất bản Khoa học Mở trong các trường đại học khối ngành Kỹ thuật tại Việt Nam”, mã số: B2024.XDA.02.

Tài liệu tham khảo

- Ban Chấp hành Trung ương (2024). *Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia*.
- Bộ GD-ĐT (2017). *Thông tư số 08/2017/TT-BGDĐT ngày 04/4/2017 về Quy chế tuyển sinh đào tạo trình độ tiến sĩ*.
- Bộ GD-ĐT (2021). *Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28/6/2021 về Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ*.
- Bộ GD-ĐT (2022). *Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022 về việc quy định phân loại chương trình đào tạo trình độ đại học*.
- Logullo, P., de Beyer, J. A., Kirtley, S., Schlüssel, M. M., & Collins, G. S. (2024). Open access journal publication in health and medical research and open science: benefits, challenges and limitations. *BMJ Evidence-Based Medicine*, 29(4), 223-228. <https://doi.org/10.1136/bmjebm-2022-112126>
- Nguyễn Trung Thành (2024). Khoa học mở, truy cập mở: Mô hình và chính sách truy cập mở tại một số quốc gia trên thế giới. *Tạp chí Giáo dục*, 24(số đặc biệt 11), 20-26.
- Open Society Institute (2002). *The Budapest Open Access Initiative*. https://www.researchgate.net/publication/307696427_Budapest_Open_Access_Initiative_2002
- Pham, H. (2022). *How to move open science from the periphery to the centre*. University World News. <https://philpapers.org/rec/PHAHTM-2>
- Piwowar, H., Priem, J., Larivière, V., Alperin, J. P., Matthias, L., Norlander, B., Farley, A., West, J., & Haustein, S. (2018). The state of OA: A large-scale analysis of the prevalence and impact of Open Access articles. *PeerJ*, 6, e4375. <https://doi.org/10.7717/peerj.4375>
- Singh, M., Prasad, C. Prakash, & Shankar, A. (2021). Publication Charges Associated with Quality Open Access (OA) Publishing and Its Impact on Low Middle Income Countries (LMICs), Time to Reframe Research Policies. *Asian Pacific Journal of Cancer Prevention*, 22(9), 2743-2747. <https://doi.org/10.31557/APJCP.2021.22.9.2743>
- Suber, P. (2012). *Open access*. Cambridge, MA: MIT Press.
- Thủ tướng Chính phủ (2018). *Quyết định số 37/2018/QĐ-TTg ngày 31/8/2018 ban hành Quy định tiêu chuẩn, thủ tục xét công nhận đạt tiêu chuẩn và bổ nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư; thủ tục xét hủy bỏ công nhận chức danh và miễn nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư*.
- Thủ tướng Chính phủ (2018). *Quyết định số 960/QĐ-TTg ngày 06/8/2018 về việc ban hành danh mục đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo*.
- Thủ tướng Chính phủ (2020). *Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg ngày 31/8/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 37/2018/QĐ-TTg ngày 31/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định tiêu chuẩn, thủ tục xét công nhận đạt tiêu chuẩn và bổ nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư; thủ tục xét hủy bỏ công nhận chức danh và miễn nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư*.
- Thủ tướng Chính phủ (2023). *Quyết định số 1117/QĐ-TTg ngày 25/9/2023 về việc phê duyệt Chương trình xây dựng mô hình tài nguyên giáo dục mở trong giáo dục đại học*.
- Vuong, Q. H., La, V. P., Vuong, T. T., Ho, M. T., Nguyen, H. K. T., Nguyen, V. H., ... & Ho, M. T. (2018). An open database of productivity in Vietnam's social sciences and humanities for public use. *Scientific Data*, 5(1), 1-15. <https://doi.org/10.1038/sdata.2018.188>